



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
6	19138014	Bùi Quang Tấn	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
7	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	19138016	Nguyễn Thị ThuỖ	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
9	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
10	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
12	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
14	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
15	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
16	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
19	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
20	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
21	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
22	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
23	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
24	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
25	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
26	19138037	Phạm PhúC Khiêm	DH19TD							0012345678910	0123456789
27	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
28	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
29	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
30	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
31	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
32	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
34	19138045	Bùi Văn Hữu	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
35	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
36	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
37	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
38	19138051	Nguyễn Trọng	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
39	19138052	Đặng Nghĩa	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
40	19138054	Đoàn Lê Quang	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
41	19138055	Trần Đình	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
42	19138057	Trần Minh	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
43	19138058	Phạm Nguyễn Anh	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
44	19138059	Nguyễn Thành	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
45	19138060	Nguyễn Bảo	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
46	19138062	Nguyễn Quốc	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
47	19138064	Vũ Đức	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
48	19138065	Lê Đăng	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
50	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
51	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
52	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
53	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
54	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
55	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
56	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
57	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
58	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
59	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
60	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
61	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
62	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
63	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
64	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00461

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
66	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
67	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
68	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
69	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
70	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
71	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
72	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 71

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trương Công Tiến

Lê Quang Hoàn



Mã nhận dạng 16280

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207546)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiễn**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **PV237**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
2	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
3	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
5	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5, Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Trương Công Tiễn

Trương Công Tiễn



Mã nhận dạng 16281

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207546)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **PV319**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD							0012345678910	0123456789
3	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
4	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
5	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
7	19138037	Phạm PhúC	DH19TD							0012345678910	0123456789
8	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
9	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD							0012345678910	0123456789
10	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD							0012345678910	0123456789
11	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
12	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
13	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD							0012345678910	0123456789
14	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
15	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD							0012345678910	0123456789
16	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16281

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207546)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi 001_DH19TD_02

Tên CBGD Trương Công Tiên

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi PV319

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trương Công Tiên

Lê Quang Hải



Mã nhận dạng 16287

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			10		5,0 6,5	0012345678910	0123456789
2	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			10		6,5 7,6	0012345678910	0123456789
3	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK						0012345678910	0123456789
4	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			8,0		7,0 7,3	0012345678910	0123456789
5	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			6,0		6,0 6,0	0012345678910	0123456789
6	19153001	Trần Phước An	DH19CD			8,0		7,0 7,3	0012345678910	0123456789
7	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			7,0		4,5 5,3	0012345678910	0123456789
8	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			9,0		5,0 6,2	0012345678910	0123456789
9	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			9,0		6,0 6,9	0012345678910	0123456789
10	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			10		6,0 7,2	0012345678910	0123456789
11	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			10		9,0 9,3	0012345678910	0123456789
12	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			7,0		5,0 5,6	0012345678910	0123456789
13	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			9,0		7,0 7,6	0012345678910	0123456789
14	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			8,5		7,5 7,8	0012345678910	0123456789
15	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			8,5		7,0 7,5	0012345678910	0123456789
16	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			10		8,0 8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16287

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi

001_DH19CD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 12/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm 7thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			8,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
18	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			9,0		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
20	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			9,0		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
21	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD							0012345678910	0123456789
22	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			9,5		7,0	7,8	0012345678910	0123456789
23	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 20. Số sinh viên vắng 03.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Hiền

Phan Minh Hiền

Lê Quang Hiền

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16288

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **002_DH19CD_01**

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi

RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			9,0		7,0	7,6	0012345678910
2	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			10		7,5	8,3	0012345678910
3	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			8,5		9,5	9,2	0012345678910
4	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			7,0		6,0	6,3	0012345678910
5	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			8,0		6,0	6,6	0012345678910
6	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			10		8,5	9,0	0012345678910
7	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			8,0		7,5	7,7	0012345678910
8	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD			10		6,0	7,2	0012345678910
9	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			9,0		7,5	8,0	0012345678910
10	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			9,0		7,5	8,0	0012345678910
11	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD			10		7,0	7,9	0012345678910
12	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			8,0		7,0	7,3	0012345678910
13	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD			8,5		6,5	7,1	0012345678910
14	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			7,0		6,0	6,3	0012345678910
15	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			7,0		7,0	7,0	0012345678910
16	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			8,0		8,0	8,0	0012345678910



Mã nhận dạng 16288

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **002_DH19CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD104**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153052	ĐỖ VĂN TÌNH	Nhỏ	DH19CD		9,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
18	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	DH19CD		9,0	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
19	19153056	Lê Văn	Phong	DH19CD		10	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
20	19153057	Nguyễn Duy	Phong	DH19CD		9,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
21	19153058	Cao Thành	Phú	DH19CD		7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
22	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	DH19CD		9,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
23	19153062	Trần Nguyên Anh	Phương	DH19CD					0012345678910	0123456789
24	19153063	Lăng Hồng	Quân	DH19CD					0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16289

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **003_DH19CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Đ1	Điểm Đ2	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			9,0		7,5	8,0		0012345678910	0123456789
2	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			10		8,5	9,0		0012345678910	0123456789
3	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			10		8,5	9,0		0012345678910	0123456789
4	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			7,0		6,0	6,3		0012345678910	0123456789
5	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			9,0		9,5	9,4		0012345678910	0123456789
6	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			7,0		6,0	6,3		0012345678910	0123456789
7	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			9,0		6,5	7,3		0012345678910	0123456789
8	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			10		6,0	7,2		0012345678910	0123456789
9	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			9,0		5,5	6,6		0012345678910	0123456789
10	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			9,0		6,0	6,9		0012345678910	0123456789
11	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			9,0		8,0	8,3		0012345678910	0123456789
12	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			8,0		7,5	7,7		0012345678910	0123456789
13	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			9,0		6,0	6,9		0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16289

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **003_DH19CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16290

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi

004_DH19CD_01

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118107	Bá Duy	Thịnh	DH17CK		10		6,0 7,2	0012345678910	0123456789
2	18118142	Nguyễn Quang	Thìn	DH18CK		10		6,0 7,2	0012345678910	0123456789
3	19153077	Nguyễn Gia	Thịnh	DH19CD					0012345678910	0123456789
4	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh	DH19CD		7,0		7,5 7,4	0012345678910	0123456789
5	19153079	Hoàng	Thông	DH19CD		7,0		6,0 6,3	0012345678910	0123456789
6	19153080	Kiều	Thuy	DH19CD		8,0		5,5 6,3	0012345678910	0123456789
7	19153081	Bùi Quang	Tiến	DH19CD		10		6,5 7,6	0012345678910	0123456789
8	19153082	Nguyễn Công Quyết	Tiến	DH19CD		7,5		6,0 6,5	0012345678910	0123456789
9	19153083	Giáp Trung	Tín	DH19CD		0,0		6,0 4,2	0012345678910	0123456789
10	19153086	TẠ Thị Ngọc	Trình	DH19CD		8,5		8,5 8,2	0012345678910	0123456789
11	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	DH19CD		7,0		5,5 6,0	0012345678910	0123456789
12	19153088	Nguyễn Công	Trường	DH19CD		7,0		6,0 6,3	0012345678910	0123456789
13	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16290

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **004_DH19CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12, Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CB_10**

Tổ Thi

001_DH19CB_10

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			9,0		6,0	6,9	00123456789
2	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			8,0		7,5	7,7	00123456789
3	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			10		7,0	7,9	00123456789
4	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			8,0		9,0	8,7	00123456789
5	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			8,0		8,0	8,0	00123456789
6	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD			8,0		9,0	8,7	00123456789
7	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			10		8,5	9,0	00123456789
8	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			10		9,5	9,7	00123456789
9	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			10		6,0	7,2	00123456789
10	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			10		7,0	7,9	00123456789
11	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			10		6,0	7,2	00123456789
12	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			10		7,0	7,9	00123456789
13	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD			9,5		6,0	7,1	00123456789
14	19130180	Lê Văn Quân	DH19CB							00123456789
15	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			9,5		5,5	6,7	00123456789
16	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			10		8,0	8,6	00123456789



Mã nhận dạng 16286

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CB_10**

Tổ Thi **001_DH19CB_10**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD406**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			10		8,0	8,6	0012345678910
18	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			10		6,5	7,6	0012345678910
19	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			9,5		8,5	8,1	0012345678910
20	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			10		9,0	9,3	0012345678910
21	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			9,5		8,5	8,8	0012345678910
22	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			6,0		9,0	8,1	0012345678910
23	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD			10		8,0	8,6	0012345678910
24	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			6,0		8,0	7,4	0012345678910
25	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			10		8,5	9,0	0012345678910
26	19164025	Nguyễn Thị Thanh Thảo	DH19CB							0012345678910

Số sinh viên dự thi 24, Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Đức Khoa

Nguyễn Hữu Hòa

Ngày in : 24/01/2022

TS. Nguyễn Đức Khuyển



Mã nhận dạng 16291

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Số Tin Ch 2

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			8	6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
3	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
4	19153001	Trần Phước An	DH19CD			8	7	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
5	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			8	7	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
6	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
7	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			8	6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
9	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
10	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
11	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
12	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
13	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
14	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
15	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
16	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16291

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Số Tín Ch 2

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153016	Mai Xuân	Hải	DH19CD		8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
18	19153017	Nguyễn Thanh	Hải	DH19CD		8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
19	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	DH19CD		8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
20	19153021	Lê Phước	Hoài	DH19CD	Vắng					0012345678910	0123456789
21	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD		8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
22	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD		8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
23	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD		8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	19153030	Nguyễn Duy	Khang	DH19CD		8	7	5	5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 23 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16292

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **002_DH19CD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi

RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
2	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
3	19153034	Chu Trương Đăng	DH19CD			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
4	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
5	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
6	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
7	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			8	6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			8	9	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
9	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
10	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			8	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
11	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			8	10	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
12	19153052	Đỗ Văn Tinh	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
13	19153053	Nguyễn Vương Nhật	DH19CD			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
14	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			8	9	3	5,3	0012345678910	0123456789
15	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
16	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16292

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **002_DH19CD_01**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Số Tín Ch **2**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Phòng Thi **RD101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
18	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
19	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			8	6	5	5,6	0012345678910	0123456789
20	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			8	6	8	7,4	0012345678910	0123456789
21	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			8	6	8	7,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 21 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16293

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **003_DH19CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD406**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
2	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
3	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
4	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			8	7	5	5,9	0012345678910	0123456789
5	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
6	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
7	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
8	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
9	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			8	6	8	7,4	0012345678910	0123456789
10	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD	Văng						0012345678910	0123456789
11	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			8	7	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
12	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			8	6	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
13	19153080	Kiều Thụy	DH19CD			8	6	9	8,0	0012345678910	0123456789
14	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			8	6	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
15	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
16	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			8	6	5,5	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16293

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **003_DH19CD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi

RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153086	TẠ Thị Ngọc	Trình	DH19CD		8	6	9	8,0	0012345678910	0123456789
18	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	DH19CD		8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
19	19153088	Nguyễn Công	Trường	DH19CD		8	6	7	6,8	0012345678910	0123456789
20	19153089	Phạm Lê Tấn	Trường	DH19CD		8	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
21	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD		8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 21 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16294

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Số Tin Ch 2

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			5	8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			8	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
4	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
5	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			8	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
6	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
7	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
8	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
9	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			8	8	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
10	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			5	7	6	6,2	0012345678910	0123456789
11	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			5	8	8	7,7	0012345678910	0123456789
12	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			8	8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
13	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
14	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
15	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
16	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16294

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Số Tin Ch 2

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
18	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
19	19138020	Đình Văn Hiền	DH19TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
20	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
21	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
22	19138024	Võ Ngọc Hôi	DH19TD			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
23	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
24	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16295

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **002_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
2	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
3	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
4	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
5	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			8	8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
6	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD	Văng						0012345678910	0123456789
7	19138037	Phạm PhúC Khiêm	DH19TD	Văng						0012345678910	0123456789
8	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
9	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD	Văng						0012345678910	0123456789
10	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
11	19138042	Nguyễn Cao KỶ	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
12	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			8	9	10	9,5	0012345678910	0123456789
13	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
14	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			8	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
15	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
16	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16295

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **002_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			8	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
18	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			8	8,5	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
19	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
20	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
21	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
22	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
23	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
24	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			8	9	0	3,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 21 Số sinh viên vắng 3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16296

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **003_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
2	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
3	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
4	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
5	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
6	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
7	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
8	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			8	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
9	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
10	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
11	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
12	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
13	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
14	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16296

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)** Số Tin Ch 2
Nhóm Thi **DH19TD_02** Tổ Thi **003_DH19TD_02** Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**
Ngày Thi **19/01/2022** Giờ Thi **08:00** Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16297

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **004_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
2	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			8	9	5	6,5	0012345678910	0123456789
3	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
4	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD			8	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
5	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			8	9	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
6	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			8	7	5	5,9	0012345678910	0123456789
7	19138079	Cao Quốc Tỉnh	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
8	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
9	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
10	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
11	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
12	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			8	6,5	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
13	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
14	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			8	8	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
15	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16297

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật số(207610)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **004_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **44** Số sinh viên vắng **1**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16298

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **PV325**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD	✓						0012345678910	0123456789
2	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
3	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
4	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			5	5	7	6,2	0012345678910	0123456789
5	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
6	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			6	9	6	6,9	0012345678910	0123456789
7	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			4	8	6	6,4	0012345678910	0123456789
8	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
9	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
10	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ...9 Số sinh viên vắng ...1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Thị Kim Nga
Ngày in : 24/01/2022

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 16299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

PV237

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
2	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
3	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
4	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
5	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
6	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
7	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
8	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			6	8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
9	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			6	8	9	8,4	0012345678910	0123456789
10	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
11	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
12	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
13	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
14	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
15	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
16	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

PV237

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
18	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			4	8	7	7,0	0012345678910	0123456789
19	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
20	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
21	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
22	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			7	0	7	4,9	0012345678910	0123456789
23	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			7	8	10	9,1	0012345678910	0123456789
24	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
25	18138030	Trần Lê Huấn	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
26	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			4	6	6	5,8	0012345678910	0123456789
27	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			8	10	9	9,2	0012345678910	0123456789
28	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			7	10	7	7,9	0012345678910	0123456789
29	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
30	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
31	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			7	8	9	7,9	0012345678910	0123456789
32	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			7	8	10	9,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi **001_DH18TD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			8	6	9	8,0	0012345678910	0123456789
34	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
35	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
36	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			8	7	10	8,9	0012345678910	0123456789
37	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			6	8	10	9,0	0012345678910	0123456789
38	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
39	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			7	10	9	9,1	0012345678910	0123456789
40	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
41	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			7	8	10	9,1	0012345678910	0123456789
42	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
43	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			8	6	6	6,2	0012345678910	0123456789
44	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
45	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
46	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
47	18138062	Trần Phát	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
48	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			6	10	7	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi **001_DH18TD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
50	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			8	6	6	6,2	0012345678910	0123456789
51	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			7	10	7	7,9	0012345678910	0123456789
52	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
53	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
54	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			7	10	6	7,3	0012345678910	0123456789
55	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			7	10	7	7,9	0012345678910	0123456789
56	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			7	10	7	7,9	0012345678910	0123456789
57	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
58	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
59	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			7	10	7	7,9	0012345678910	0123456789
60	18138089	Trần Lê Triều	DH18TD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
61	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			8	6	7	6,8	0012345678910	0123456789
62	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD			8	8	10	9,2	0012345678910	0123456789
63	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD	✓						0012345678910	0123456789
64	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16299

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

PV237

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			7	8	7	7,3	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
66	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			7	8	6	6,7	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 65 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 14395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi CSTK hệ thống cơ điện tử(207626)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 11/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
2	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
3	17153010	Vương Quốc Viết Chí	DH17CD					4	4.0	0012345678910	0123456789
4	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD					4	4.0	0012345678910	0123456789
5	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD					4	4.0	0012345678910	0123456789
6	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
7	17153013	Hà Công Định	DH17CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
8	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
9	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
10	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
11	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
12	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD					4	4.0	0012345678910	0123456789
13	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
14	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 14395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi CSTK hệ thống cơ điện tử(207626)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 11/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14 Số sinh viên vắng 0

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Tấn Phúc

Phan Minh Hiếu

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Tấn Phúc



Mã nhận dạng 16300

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi CSTK hệ thống cơ điện tử(207626)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD206

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD				7	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
2	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD				8.5	8	8.3	0012345678910	0123456789
3	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD				7	7	7.0	0012345678910	0123456789
4	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD				9	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
5	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
6	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD				6.5	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
7	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD				7.5	8	7.8	0012345678910	0123456789
8	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD				6.5	6.5	6.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 22 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Tấn Phúc

Nguyễn Đăng Khoa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 14396

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi CSTK hệ thống cơ điện tử(207626)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

002_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 11/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
2	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
3	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
4	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
5	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
6	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
7	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
8	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
9	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
10	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD					10	10	0012345678910	0123456789
11	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
12	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
13	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
14	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 14396

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi CSTK hệ thống cơ điện tử(207626)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 002_DH17CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 11/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

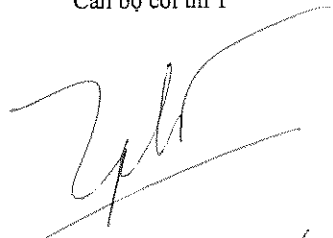
Cán bộ coi thi 1

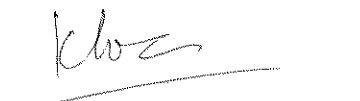
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Tấn Phúc


Nguyễn Đăng Khoa


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Tấn Phúc



Mã nhận dạng 16301

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 đ. %	Đ2 đ. %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			8	8.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
2	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
3	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			10	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
4	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
5	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
6	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			10	8.5	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
7	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
8	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
9	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
10	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
11	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			7	7.5	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
12	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
13	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			10	8.5	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
14	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			8	7.5	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
15	18138016	Nguyễn Long Ngọc	DH18TD			8	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
16	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16301

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD200

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			7	7.5	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
18	18138021	Lê Thành	DH18TD			10	10	9	9.3	0012345678910	0123456789
19	18138023	Trần Trường	DH18TD			7.0	7.5	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
20	18138026	Phan Gia	DH18TD			7.0	7	6	6.3	0012345678910	0123456789
21	18138027	Vũ Minh	DH18TD			10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
22	18138028	Trần Văn	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
23	18138029	Nguyễn Văn	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
24	18138030	Trần Lê	DH18TD			10	9.5	8.5	8.9	0012345678910	0123456789
25	18138032	Chung Hiệp	DH18TD			10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
26	18138034	Lê Thanh	DH18TD			10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
27	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
28	18138037	Trần Trọng	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
29	18138040	Nguyễn Ngọc	DH18TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
30	18153001	Bùi Vũ Khánh	DH18CD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16301

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH18TD_01 Tổ Thi 001_DH18TD_01 Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa
Ngày Thi 16/02/2022 Giờ Thi 10:30 Phòng Thi RD200

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %%	Đ2 %%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	----------	----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 16302

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

002_DH18TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD100

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
2	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
3	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			10	9.5	8.5	8.9	0012345678910	0123456789
4	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
5	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			8	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
6	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
7	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
8	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
9	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
10	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
11	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
12	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
13	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
14	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
15	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
16	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			8	8	7	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16302

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD100

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ %	Đ2 Đ %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			10	10	9	9.3	0012345678910	0123456789
18	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
19	18138062	Trần Phát	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
20	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
21	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
22	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			10	10	9	9.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16303

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 003_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD						Vượt	0012345678910	0123456789
2	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
3	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
4	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
5	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
6	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
7	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			10	8.5	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
8	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
9	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
10	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
11	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
12	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
13	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
14	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
15	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
16	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			8	6.5	5.5	6.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16303

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 003_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 16/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
18	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
19	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD						Vượt	0012345678910	0123456789
20	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
21	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			10	8.5	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
22	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			10	6.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 14397

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			7.5	9	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			9	8	7	7.8	0012345678910	0123456789
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			6	8	7	7.0	0012345678910	0123456789
5	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			8	7.5	5	6.4	0012345678910	0123456789
6	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			8	7.5	7	7.4	0012345678910	0123456789
7	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			7.5	7.5	8	7.8	0012345678910	0123456789
8	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			8.5	9	10	9.4	0012345678910	0123456789
9	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			9	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
10	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			7	9	7	7.5	0012345678910	0123456789
11	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			9	8	6	7.3	0012345678910	0123456789
12	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			7	7.5	7	7.1	0012345678910	0123456789
13	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			6	8.5	8	7.6	0012345678910	0123456789
14	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			9	9	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
15	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			8	8	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
16	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			8	8	7	7.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 14397

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động lực học- Điều khiển robot(207629)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			6	9	6	6.8	0012345678910	0123456789
18	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			8.5	9	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
19	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			8	9	8	8.3	0012345678910	0123456789
20	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			8.5	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
21	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			7.5	9	7	7.6	0012345678910	0123456789
22	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			8	9	8	8.3	0012345678910	0123456789
23	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			8.5	9	8	8.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 23 Số sinh viên vắng ..0..

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Tấn Phúc

Nguyễn Đăng Khoa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày in : 09/11/2021



Mã nhận dạng 16304

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **20/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
2	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD				6	8	7.0	0012345678910	0123456789
3	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD				8	8.5	8.25	0012345678910	0123456789
4	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD				6	7.5	6.8	0012345678910	0123456789
5	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD				8	7	7.5	0012345678910	0123456789
6	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD				6	7.5	6.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 22 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N. Tấn Phúc

Nguyễn Đăng Khoa

TS. Nguyễn Đức Khuyên

N. Tấn Phúc



Mã nhận dạng 14398

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **002_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD401**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			8	7.5	10	8.9	0012345678910	0123456789
2	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			9	7.5	10	8.9	0012345678910	0123456789
3	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			5.5	0	6	6.4	0012345678910	0123456789
4	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			8	7	10	8.8	0012345678910	0123456789
5	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			8.5	7.5	8	8.0	0012345678910	0123456789
6	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			5	7.5	8	7.1	0012345678910	0123456789
7	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			9	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
8	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			6	8	4	5.5	0012345678910	0123456789
9	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			8	8.5	8	8.1	0012345678910	0123456789
10	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			8	7	9	8.3	0012345678910	0123456789
11	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			8.5	9	3	5.9	0012345678910	0123456789
12	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			6.5	8.5	10	8.8	0012345678910	0123456789
13	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			8	9	8	8.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 14398

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **002_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD401**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

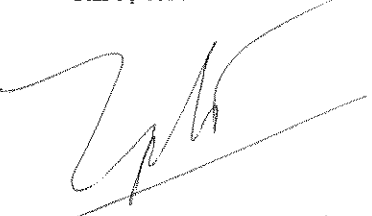
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

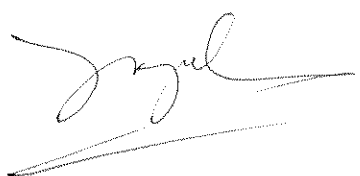
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

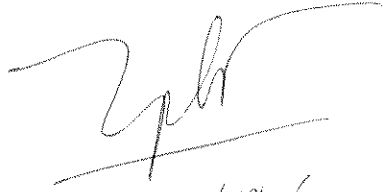
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Tấn Phúc


N.V.N. Thach


TS. Nguyễn Đức Khuyển


Nguyễn Tấn Phúc



Mã nhận dạng 14399

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **003_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD106**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD			6	8	7	7.0	0012345678910	0123456789
2	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			6.5	9	8	7.9	0012345678910	0123456789
3	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			6	8.5	9.5	8.4	0012345678910	0123456789
4	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			9	9	3	6.0	0012345678910	0123456789
5	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			5	7	9	7.5	0012345678910	0123456789
6	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD			6	7	9	7.8	0012345678910	0123456789
7	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			6.5	7	9.5	8.1	0012345678910	0123456789
8	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			7.5	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
9	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			8	7	8	7.8	0012345678910	0123456789
10	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			5	7	8	7.0	0012345678910	0123456789
11	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			8.5	7	5	6.4	0012345678910	0123456789
12	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			8.5	9	7	7.9	0012345678910	0123456789
13	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			6	9	5	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 14399

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH18CD_01** Tổ Thi **003_DH18CD_01** Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**
Ngày Thi **09/09/2021** Giờ Thi **10:30** Phòng Thi **RD106**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 0

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

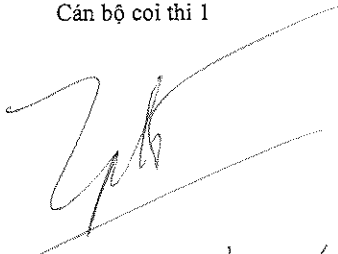
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

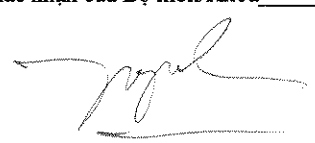
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

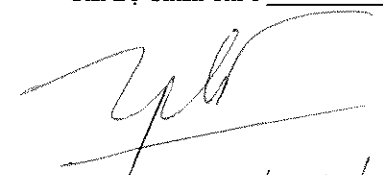
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Tấn Phúc

Trần Thị Kim Ngân


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Tấn Phúc



Mã nhận dạng 13946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **10/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi

RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
2	19153001	Trần Phước	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
3	19153011	Huỳnh Cao	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
4	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
5	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
6	19153014	Phạm Đình	DH19CD			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
7	19153010	Nguyễn Ngọc	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
8	19153004	Nguyễn Hải	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
9	19153006	Võ Quan	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
10	19153016	Mai Xuân	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
11	19153017	Nguyễn Thanh	DH19CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
12	19153020	Nguyễn Ngọc	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
13	19153025	Lương Quang	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
14	19153029	Hoàng Cao	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
15	19153030	Nguyễn Duy	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
16	19153033	Mai Đăng	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **10/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD104**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
18	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
19	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
20	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
21	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
22	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
23	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
25	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
26	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
27	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
28	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
29	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
30	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
31	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
32	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **10/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD104**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
34	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
35	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
36	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
37	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
38	19153086	Tạ Thị Ngọc	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
39	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
40	19153088	Nguyễn Công	DH19CD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
41	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 41 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 09/11/2021

Trần Thị Kim Nga

Ngô Văn Ngọc Bích



Mã nhận dạng 16305

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **10/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV325**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			4	8	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
3	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
4	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
5	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
6	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			7	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
7	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD	Vắng						0012345678910	0123456789
8	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD	Vắng						0012345678910	0123456789
9	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
10	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD	Vắng						0012345678910	0123456789
11	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD			8	7	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
12	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
13	19153052	Đỗ Văn Tình Nhỏ	DH19CD			7	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
14	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			4	7	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
15	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD	Vắng						0012345678910	0123456789
16	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16305

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **10/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV325**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			8	8	8	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19153062	Trần Nguyên Anh	Phương	DH19CD	Vắng					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			8	8	6	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			8	8	8	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			4	8	8	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD	Vắng						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 16. Số sinh viên vắng 6.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Văn Ngọc Thanh



Mã nhận dạng 13945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Matlab ứng dụng(207640)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi 001_DH19TD_02

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD401

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			5	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	Cát	DH19TD		8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			5	8	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
6	19138016	Nguyễn Thị ThuỖ	Duyên	DH19TD		8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
7	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
8	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
9	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
10	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
11	19138020	Đinh Văn Hiến	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
12	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
13	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
14	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
15	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
16	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Matlab ứng dụng(207640)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi 001_DH19TD_02

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD401

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
18	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
19	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
20	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD	<i>Yang</i>						0012345678910	0123456789
21	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
22	19138042	Nguyễn Cao KỶ	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
23	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
25	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
26	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
27	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
28	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
29	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
30	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
31	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
32	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD401**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138059	Nguyễn Thành Phấn	DH19TD			8	8	9	8,3	0012345678910	0123456789
34	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			8	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
35	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			8	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
36	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			8	8	9	8,3	0012345678910	0123456789
37	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
38	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			8	8	9	8,3	0012345678910	0123456789
39	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
40	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			8	8	9	8,3	0012345678910	0123456789
41	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
42	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
43	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
44	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			8	8	9	8,3	0012345678910	0123456789
45	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
46	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
47	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
48	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			8	8	9	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD401

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
50	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			8	8	9	8,0	0012345678910	0123456789
51	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
52	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			8	7	8	7,7	0012345678910	0123456789
53	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
54	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
55	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
56	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
57	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
58	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			8	7	9	8,3	0012345678910	0123456789
59	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			5	7	9	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4. Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 09/11/2021

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16306

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Matlab ứng dụng(207640)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **10/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			8	8	5	6,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			8	8	6	6,8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD	Vắng						● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			8	8	8,5	8,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			8	8	9,5	8,9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			8	8	8	8,0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			8	8	9	8,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19138037	Phạm PhúC	DH19TD	Vắng						● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			8	8	9	8,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD	Vắng						● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD	Vắng						● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			8	8	9	8,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			8	8	4	5,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD	Vắng						● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			8	8	9	8,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD	Vắng						● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16306

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Matlab ứng dụng(207640)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi

001_DH19TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 10/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV237

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			8	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
18	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			5	8	9	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 6...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 13947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 12/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD106

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138071	VÕ TUẤN ANH	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
2	20138073	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
3	20138074	ĐẶNG MINH CHÍNH	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
4	20138075	NGUYỄN CÔNG DANH	DH20TD			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
5	20138081	NGUYỄN THÁI DUY	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
6	20138076	NGUYỄN TÂN ĐẠT	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
7	20138077	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
8	20138078	PHAN CHÂU THÀNH ĐẠT	DH20TD			10	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
9	20138083	THÁI GIA HẠNH	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
10	20138085	NGUYỄN THANH HIỆP	DH20TD			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
11	20138017	TRẦN NGỌC HOÀI	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
12	20138089	TRẦN GIA HUY	DH20TD			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
13	20138090	VÕ TÂN HUY	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
14	20138088	PHẠM DUY HÙNG	DH20TD			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
15	20138092	TRẦN BÁ KHANG	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
16	20138101	TRẦN QUỐC LÂM	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 12/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD106

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138063	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
18	20138104	BÙI PHƯƠNG NAM	DH20TD			10	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
19	20138030	PHẠM VĨNH NGHỊ	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
20	20138107	TẠ THANH NHÀ	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
21	20138108	TRẦN NGUYỄN TRUẦN PHI	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
22	20138035	LÊ VĂN PHONG	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
23	20138111	ĐOÀN THIÊN PHƯỚC	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
24	20138112	NGUYỄN NGÔ GIA PHƯỚC	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
25	20138113	PHẠM ĐỖ ANH PHƯƠNG	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
26	20138114	ĐOÀN ĐÌNH QUÂN	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
27	20138116	PHẠM ĐỨC QUÂN	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
28	20138117	TRẦN NGỌC QUÊ	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
29	20138118	VÒNG PHI QUYỀN	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
30	20138124	VÕ LÊ TỬ TÀI	DH20TD			10	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
31	20138128	TRẦN HOÀI THANH	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
32	20138129	PHẠM ĐỨC THAO	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 12/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD106

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138126	LÊ QUANG THẮNG	DH20TD			10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
34	20138132	CHÂU NGỌC TIẾN	DH20TD			10	7	9	8.5	0012345678910	0123456789
35	20138134	VŨ MINH TOÀN	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
36	20138136	NGUYỄN THỊ KIỀU	DH20TD			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
37	20138138	HOÀNG VĂN TRUNG	DH20TD			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
38	20138139	NGUYỄN CÔNG TRUYỀN	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
39	20138141	PHẠM ANH TUẤN	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
40	20138143	CAO HUỲNH THANH TÙNG	DH20TD			10	7	9	8.5	0012345678910	0123456789
41	20138144	NGUYỄN ĐĂNG VĂN	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
42	20138146	BÙI QUỐC VIỆT	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
43	20138149	TRẦN QUANG VINH	DH20TD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
44	20138060	TRẦN THANH VŨNG	DH20TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
45	20138152	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16307

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 23/01/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV237

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20152007	VÕ QUANG HẢO	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16307

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV237

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	Văng						0012345678910	0123456789
2	16153027	Hán Tấn	DH16CD			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789
3	20138003	ĐÌNH HOÀNG THIÊN AN	DH20TD			10	7	4	5,5	0012345678910	0123456789
4	20138049	TRẦN NGỌC TRỌNG	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
5	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
6	20138079	TRỊNH MINH ĐẠT	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	20138080	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
8	20138084	VŨ QUANG HẬU	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
9	20138087	NGUYỄN VĂN TUẤN HÙNG	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
10	20138091	NGUYỄN ĐỨC KHẢI	DH20TD			10	6	5	5,8	0012345678910	0123456789
11	20138093	PHAN QUỐC KHÁNH	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
12	20138095	NGUYỄN ANH HOÀNG KHOA	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
13	20138096	NGÔ TUẤN KIẾT	DH20TD			10	7	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
14	20138097	VÕ ANH KIẾT	DH20TD			10	6	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
15	20138098	NGÔ TRẦN THIÊN KIM	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
16	20138100	NGUYỄN AN LẠC	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16307

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 23/01/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV237

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 90%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138106	TRƯƠNG HOÀNG NHÃ	DH20TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
18	20138109	PHAN DUY PHÚC	DH20TD			10	7	9	8.5	0012345678910	0123456789
19	20138110	ĐỖ THIÊN PHƯỚC	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
20	20138115	LÊ HỮU ĐÔNG QUÂN	DH20TD			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
21	20138120	LÊ ĐẶNG TUẤN SANG	DH20TD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
22	20138122	NGUYỄN QUỐC TÀI	DH20TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
23	20138127	LÊ VĂN THANH	DH20TD			10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
24	20138131	HUỲNH MINH THUẬN	DH20TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
25	20138133	TRẦN ĐỨC TOÀN	DH20TD			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
26	20138135	ĐINH GIA TRIỆU	DH20TD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
27	20138137	HUỲNH LÊ BẢO TRỌNG	DH20TD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
28	20138140	NGUYỄN XUÂN TÚ	DH20TD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
29	20138142	PHẠM THANH TUẤN	DH20TD			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
30	20138147	LÊ HÀ BẢO VINH	DH20TD			10	7	6	6.7	0012345678910	0123456789
31	20138148	THÁI DOÃN VINH	DH20TD			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
32	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh Hương	DH20TD			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Ngôn ngữ lập trình kỹ thuật(207644)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **12/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD106**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

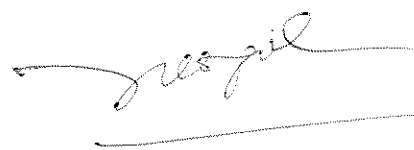
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Võ Ngọc Thạch




Nguyễn Võ Ngọc Thạch

TS. Nguyễn Đức Khuyến